

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19-11-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN THỤY, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Phan Thị Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 30/9/2021 và bản tự khai ngày 15/10/2021 chị H trình bày: Chị tự nguyện chung sống với anh Nguyễn Văn C từ thời gian đầu năm 2011, nhưng đến ngày 27/10/2015 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau trong quan hệ bạn bè và xã hội, anh C thường xuyên theo bạn bè chơi bởi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần

khuyến bảo để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 12/2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh C.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 29/9/2011 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 17/12/2012, hiện cả 02 con đang do anh C nuôi dưỡng. Chị nhất trí để anh C tiếp tục nuôi dưỡng hai con đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của 02 con. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một cháu là 1.000.000đồng

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2021: Thông nhất với chị H về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2017 do phong cách sống không phù hợp, vợ chồng nghi ngờ nhau trong quan hệ bạn bè xã hội nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm nhiều lần khuyến bảo để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị H bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 12/2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh xét thấy tình cảm không còn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, anh đồng ý ly hôn chị H, nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 29/9/2011 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 17/12/2012, hiện cả 02 con đang do anh C nuôi dưỡng. Anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của 02 con. Anh yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một cháu là 1.000.000đồng

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về tố tụng: Anh C là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C tự nguyện chung sống từ đầu năm 2011, nhưng đến ngày 27/10/2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn đến nay ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị H bỏ về mẹ đẻ ở từ cuối năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình cảm không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; Nay chị H và anh C đều xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị H và anh C được ly hôn là phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

3. Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 29/9/2011 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 17/12/2012, hiện đang do anh C nuôi dưỡng, nay anh chị đều thống nhất: Giao cháu N và cháu T cho anh C nuôi dưỡng đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi; và cháu N, cháu T đều có nguyện vọng được ở với anh C; cần chấp nhận. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 29/9/2011 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 17/12/2012 cho anh C nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một cháu là 1.000.000đồng, được chấp nhận.

4. Về tài sản, công nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh C là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C tự nguyện chung sống từ đầu năm 2011, nhưng đến ngày 27/10/2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, K. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau trong quan hệ bạn bè xã hội. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh chị đều xin ly hôn được chấp nhận, nên xử cho chị H được ly hôn anh C là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 29/9/2011 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 17/12/2012, hiện đang do anh C nuôi dưỡng. Nay anh chị đều thống nhất giao cháu N, cháu T cho anh C nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và cả 02 cháu đều có nguyện vọng được ở với anh C, cần chấp nhận. Cần giao cháu N, cháu T cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H nhận có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một cháu là 1.000.000đồng, cần chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định và án phí dân sự về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 29/9/2011 và cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 17/12/2012 cho anh C nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng một cháu là 1.000.000đ (một triệu đồng); Thời gian từ tháng 11 năm 2021 hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh C cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001560 ngày 06 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H còn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền

